



zhēng zhào

征召

verb · conscript; recruit

Example Sentences

Guó jiā zhēng zhào nián qīng rén rù wǔ
国家征召年轻人入伍。

The country conscripts young people into the military.

Gōng sī zhèng zài zhēng zhào xīn de jì shù rén cái
公司正在征召新的技术人才。

The company is recruiting new technical talent.

Trace each character, then write the word on your own.

征	征	征	征	征	征	征	征	征	征	征
召	召	召	召	召	召	召	召			